

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Kết quả đánh giá
1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:		
1.1. Đối với danh mục vật tư, vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị nêu tại “Mục: 3.3 Yêu cầu về khả năng cung cấp các loại vật liệu, thiết bị chính -Chương V - Yêu cầu kỹ thuật, trang 64-66”	Có bảng liệt kê danh mục vật tư, vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sẽ sử dụng cho gói thầu.	Đạt
	Không có bảng danh vật tư, vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sẽ sử dụng cho gói thầu; hoặc có nhưng thiếu trên 10% các loại vật tư, vật liệu phải kê khai.	Không đạt
1.2. Yêu cầu đối với các vật tư, vật liệu chính: - Cát, đá dăm các loại, Bê tông nhựa nóng, Đất cấp phối đồi, Ống cống bê tông đúc sẵn các loại, Cây xanh. Tham chiếu: Mục: 3.3 Yêu cầu về khả năng cung cấp các loại vật liệu, thiết bị chính - Chương V - Yêu cầu kỹ thuật, trang 64-66	Có cam kết của đơn vị cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc của nhà thầu đối với đơn vị cung cấp cho gói thầu này, kèm theo các tài liệu chứng minh khả năng đáp ứng của đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu.	Đạt
	Không có cam kết của đơn vị cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc của nhà thầu đối với đơn vị cung cấp cho gói thầu này hoặc không kèm theo các tài liệu chứng minh khả năng đáp ứng của đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu.	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật:		
2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
2.2. Giải pháp tập kết vật liệu	Có giải pháp tập kết vật liệu đến công trường phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng trong khu vực. Khối lượng cấp phối đá dăm được tập kết đạt từ 50% tổng khối lượng tại thời điểm bắt đầu thi công móng cấp phối đá dăm theo tiến độ.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Khối lượng cấp phối đá dăm được tập	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Kết quả đánh giá
	kết dưới 50% tổng khối lượng tại thời điểm bắt đầu thi công móng cấp phối đá dăm theo biểu tiến độ	
2.3. Thi công xây mới: gồm các công tác thi công đào đất, đắp đất, làm móng đường, mặt đường, công trình thoát nước, đổ bê tông, cấp nước, điện chiếu sáng, viễn thông.	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
3. Biện pháp tổ chức thi công:		
3.1. Bản vẽ mặt bằng bố trí thi công, biện pháp thi công, tiến độ tổ chức thi công	Có đầy đủ bản vẽ mặt bằng bố trí thi công khả thi, phù hợp với biểu đề xuất tiến độ thi công và biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có bản vẽ đầy đủ, hoặc có bản vẽ nhưng không phù hợp với biện pháp tổ chức thi công và tiến độ thi công.	Không đạt
3.2. Bản vẽ biện pháp tổ chức thi công các hạng mục chính	Có đầy đủ bản vẽ cho từng hạng mục, chi tiết, khả thi, phù hợp hiện trạng và biện pháp thi công công trình. Đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường.	Đạt
	Không có bản vẽ đầy đủ, hoặc biện pháp tổ chức thi công không khả thi, không phù hợp	Không đạt
3.3. Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người	Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng Nhân sự chủ chốt, bố trí nhân công có trình độ đào tạo phù hợp, hợp lý	Đạt
	Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của từng cán bộ chủ chốt, nhân công bố trí không phù hợp hoặc không phù hợp	Không đạt
4. Tiến độ thi công:		
4.1. Tiến độ thi công tổng thể	Tổng tiến độ thực hiện gói thầu không vượt quá 270 ngày (đã bao gồm các ngày nghỉ lễ, dự phòng do khắc phục hậu quả do thiên tai, ..., thời gian chờ xử lý kỹ thuật phù hợp với hồ sơ thiết kế, bàn giao, quyết toán), trong đó: thời gian thi công hoàn thành công trình không vượt quá 240 ngày ; thời gian còn lại để thực hiện công tác bàn giao, quyết toán,	Đạt
	Đề xuất thời gian thực hiện gói thầu vượt quá 270 ngày hoặc đề xuất thời gian thực hiện gói thầu không bao gồm các ngày nghỉ lễ, không bao gồm dự phòng do khắc phục hậu quả do thiên tai, thời gian chờ xử lý kỹ thuật, bàn giao, quyết	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Kết quả đánh giá
	toán, ...; hoặc đề xuất thời gian thi công hoàn thành công trình vượt quá 240 ngày .	
4.2. Tiến độ thi công hạng mục san nền, nền đường, cắm mốc phân lô (tham chiếu: mục II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện – Chương V – Yêu cầu kỹ thuật, trang 5)	Không vượt quá 80 ngày (đã bao gồm các ngày nghỉ lễ, ngày ngừng thi công do điều kiện thời tiết địa phương).	Đạt
	Vượt quá 80 ngày (đã bao gồm các ngày nghỉ lễ, ngày ngừng thi công do điều kiện thời tiết địa phương).	Không đạt
4.3. Tiến độ thi công hạng mục Thoát nước mưa, nước thải, cấp nước, viễn thông (tham chiếu: mục II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện – Chương V – Yêu cầu kỹ thuật, trang 5)	Không vượt quá 130 ngày (đã bao gồm các ngày nghỉ lễ, ngày ngừng thi công do điều kiện thời tiết địa phương).	Đạt
	Không vượt quá 130 ngày (đã bao gồm các ngày nghỉ lễ, ngày ngừng thi công do điều kiện thời tiết địa phương).	Không đạt
4.4. Tiến độ thi công hạng mục móng mặt đường, điện chiếu sáng, lề đường, vỉa hè (tham chiếu: mục II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện – Chương V – Yêu cầu kỹ thuật, trang 5).	Không vượt quá 90 ngày (đã bao gồm các ngày nghỉ lễ, ngày ngừng thi công do điều kiện thời tiết địa phương).	Đạt
	Vượt quá 90 ngày (đã bao gồm các ngày nghỉ lễ, ngày ngừng thi công do điều kiện thời tiết địa phương).	Không đạt
4.5. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công. b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b). Có nêu giải pháp đẩy nhanh tiến độ, khi tiến độ thi công chi tiết chậm.	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b). Không nêu giải pháp đẩy nhanh tiến độ, khi tiến độ thi công chi tiết chậm.	Không đạt
4.6. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Có bản vẽ Biểu tiến độ thi công (bao gồm Biểu tiến độ thi công tổng thể, biểu đồ huy động nhân lực và biểu đồ chi tiết huy động thiết bị chủ yếu) hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công; hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
4.7. Mâu thuẫn, bất hợp lý trong việc triển khai các hạng mục công việc (ví dụ chưa hoàn thành hồ móng mà đã bắt đầu đổ bê tông móng)	Không có	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Kết quả đánh giá
	Có	Không đạt
5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:		
5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng cho các hạng mục chính trong quá trình thi công xây dựng	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý cho từng hạng mục, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và giải pháp thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý cho từng hạng mục hoặc không đầy đủ, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và giải pháp thi công.	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công	Có biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên vật liệu hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và tiến độ thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên vật liệu đầu vào hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất biện pháp tổ chức thi công và tiến độ thi công.	Không đạt
6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông:		
6.1. Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.2. Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.3. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Kết quả đánh giá
	xuất về biện pháp tổ chức thi công	
7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:		
7.1. Bảo hành công trình.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
7.2. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu kể từ năm 2023 đến nay: Không bị kết luận là vi phạm và bị xử phạt hợp đồng về tiến độ và chất lượng công trình. Nhà thầu phải cung cấp bảng kê khai các hợp đồng xây lắp đã và đang thực hiện trong thời gian yêu cầu và có cam kết về kết quả thực hiện hợp đồng (theo biểu mẫu tại Phần V, chương V – Yêu cầu kỹ thuật, trang 76). Nếu Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu kê khai thiếu hoặc cam kết không trung thực nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đạt.	Nhà thầu có ≤ 3 hợp đồng bị xử phạt do vi phạm điều khoản hợp đồng.	Đạt
	Nhà thầu có > 3 hợp đồng bị xử phạt do vi phạm điều khoản hợp đồng.	Không đạt
Kết luận	Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt